

Bản án số: 304/2024/DS-PT;
Ngày: 04/6/2024;
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;
Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng;
Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1513/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985;
Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm: 1979, địa chỉ: 2, đường N, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Nhật Long H, luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn - Nguyễn Thị Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào ngày 30/6/2014 âm lịch, ông có cho bà Nguyễn Thị Minh T vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích bà T vay để đáo hạn ngân hàng và cho người thân, bạn bè quen biết vay lại, thời hạn vay từ nửa tháng đến một tháng với mức lãi suất 1500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Nội dung này các bên thoả thuận miệng và bà T có viết cho ông một giấy nợ, ông đã nộp cho Tòa án.

Đến ngày 01/10/2014 âm lịch, ông cho bà T vay tiếp số tiền 150.000.000 đồng, mục đích bà T vay để đáo hạn ngân hàng và cho người thân, bạn bè quen biết vay lại, thời hạn vay từ nửa tháng đến một tháng với mức lãi suất 1500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Nội dung này các bên thoả thuận miệng và bà T cũng có viết cho ông một giấy nợ và ông cũng đã nộp cho Tòa án.

Cả hai khoản vay trên bà T chỉ đóng lãi được một tháng, khi đến hạn bà T cũng không trả tiền gốc. Sau đó bà T đi khỏi địa phương. Năm 2021, bà T có gửi tiền về trả cho ông được 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Minh T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ vay còn lại là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi. Ông khẳng định chỉ yêu cầu một mình bà T trả nợ, không yêu cầu trách nhiệm liên đới của ai khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau:

Vào năm 2014, bà và ông C có giao dịch làm ăn, cụ thể bà vay tiền từ ông C để cho người thân, bạn bè và những người quen biết vay lại hoặc đáo hạn ngân hàng để kiếm tiền lời chênh lệch. Thời gian đó bà vay tiền của ông C rất nhiều lần và có viết cho ông C hai tờ giấy mượn tiền như ông C đã giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, khi bà trả lại tiền cho ông C thì do mối quan hệ thân thiết và nghĩ sẽ còn làm ăn chung với nhau nên bà không có yêu cầu ông C trả lại giấy nợ gốc. Khi hai bên giao dịch thoả thuận mức lãi suất dao động từ 1500 đồng đến 2000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau do việc làm ăn thất bại nên bà đi khỏi địa phương. Thời điểm đó bà chỉ còn nợ ông C tổng số tiền là 180.000.000 đồng. Đến năm 2021 bà có gửi tiền về trả cho ông C được 10.000.000 (mười triệu) đồng, còn nợ lại 170.000.000 đồng. Ông C đã tính gộp cả tiền lãi nên mới khởi kiện yêu cầu bà trả 300.000.000 đồng.

Do đó, bà chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền vay gốc là 170.000.000 đồng, xin không trả lãi và xin trả dần, mỗi năm trả 50.000.000 đồng đến khi hết nợ, bắt đầu thực hiện từ cuối năm 2024.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ vay là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận ông C không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/3/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T kháng cáo đề nghị xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm. Bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm, bà T cho rằng Tòa án không tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nên bà không biết tham gia phiên tòa, bà không được trình bày ý kiến tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thời hiệu khởi kiện của Hợp đồng vay tài sản, phiên tòa sơ thẩm không có sự tham gia của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày Tòa án sơ thẩm xét xử không đưa chồng bị đơn vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Đối với nội dung, Tòa án sơ thẩm căn cứ vào 02 giấy nhận nợ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ

thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị Minh T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn giấy mượn tiền viết tay thể hiện nội dung: Vào ngày 30/06/2014 (âm lịch) ông C có cho bà Nguyễn Thị Minh T vay số tiền 150.000.000 đồng và ngày 01/10/2014 (âm lịch) bà T tiếp tục vay ông C số tiền 150.000.000 đồng. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông C số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lãi.

[3] Tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2023, bà T thừa nhận có nhiều lần vay tiền của ông C và có viết hai tờ giấy nợ là chứng cứ mà ông C đã giao nộp cho Tòa án. Căn cứ vào nội dung hai tờ giấy nợ mà các đương sự đã thống nhất thì bà T có vay của ông C hai lần, mỗi lần là 150.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng. Bà T cho rằng bà và ông C giao dịch vay mượn rất nhiều lần nhưng bà đã trả cho ông C và hiện chỉ còn nợ số tiền là 170.000.000 đồng và cho rằng ông C khởi kiện yêu cầu bà trả 300.000.000 đồng là bao gồm cả tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho bà T giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày trên nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Ông C lại không thừa nhận lời trình bày của bà T, ông chỉ đồng ý năm 2021 bà T có trả cho ông 10.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày này của bà T và buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông C tổng số tiền vay còn nợ lại là 290.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Ông C không có yêu cầu tính lãi, đây là ý chí tự nguyện của ông C nên được Tòa án sơ thẩm đã ghi nhận trong quyết định của bản án là phù hợp.

[5] Xét kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 02/02/2024, Tòa án có tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập cho người nhận là ông Nguyễn Lam S là cha ruột của bà T và ông S cam kết giao lại các văn bản trên cho bà T nên việc tổng đạt là đúng quy định của pháp luật. Đối với việc không có đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định tại

Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ bản án cho Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cũng không có kháng nghị đối với bản án trên. Xét về thời hiệu khởi kiện, do ông C chỉ khởi kiện yêu cầu bà T trả lại số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng và không yêu cầu Tòa án tính lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự.

[6] Đối với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng Tòa án sơ thẩm không đưa chồng bà T vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý ý kiến này và trình bày chỉ khởi kiện một mình cá nhân bà T và chứng cứ nguyên đơn khởi kiện không có nội dung liên quan đến nghĩa vụ của chồng bà T nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[7] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận toàn bộ.

[8]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 19/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ vay là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận ông C không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Minh T có nghĩa vụ chịu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002231 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00005280 ngày 22/3/2024 Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Mô Cày Nam;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng